

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 140 /BC-UBND

Đồng Nai, ngày 19 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai 6 tháng đầu năm 2023

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

Thực hiện Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 28/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về cải cách hành chính năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ XI tỉnh Đồng Nai, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 17/5/2021 của Chính phủ, Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh Đồng Nai đã tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch cải cách hành chính:

- Ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, triển khai cải cách hành chính: kế hoạch cải cách hành chính (282/KH-UBND ngày 29/12/2022); kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (số 283/KH-UBND ngày 29/12/2022); kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (số 284/KH-UBND ngày 29/12/2022); kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (số 13/KH-UBND ngày 12/01/2023); kế hoạch khảo sát sự hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022 (số 29/KH-UBND ngày 07/02/2023), Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 01/3/2023 về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai năm 2023; Kế hoạch tập huấn cải cách hành chính (số 72/KH-UBND ngày 23/3/2023), Kế hoạch Hội thi tuyên truyền về cải cách hành chính (số 151/KH-UBND ngày 08/6/2023)...Trên cơ sở các Kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương xây dựng các kế hoạch cụ thể triển khai tại đơn vị, địa phương kịp thời trong 6 tháng đầu năm 2023.

- Ngày 11/01/2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh (Quyết định số 68/QĐ-UBND); trong đó, có 14/21 đơn vị cấp Sở xếp loại xuất sắc, 06 đơn vị xếp loại tốt, 01 đơn vị xếp loại khá, 01/11 UBND cấp huyện

xếp loại xuất sắc, 10/11 UBND cấp huyện xếp loại tốt. Trên cơ sở kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện các giải pháp cải thiện chỉ số cải cách hành chính của đơn vị, địa phương trong năm 2023.

Đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 02/03/2023 chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện đạt các mục tiêu nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm 2023; tổ chức họp và ban hành thông báo kết luận chấn chỉnh công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, giải quyết phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

- Căn cứ kết quả đánh giá các Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) được Bộ Nội vụ công bố, Chỉ số Hiệu quả quản trị công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Thường trực Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, các cấp ủy đảng trực thuộc chỉ đạo rà soát, khắc phục các tồn tại hạn chế qua đánh giá các chỉ số và đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các chỉ số trên của tỉnh trong năm 2023.

Trong tháng 6/2023, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh tổ chức họp, đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023 và chỉ đạo khẩn trương khắc phục các tồn tại hạn chế nhất là trong công tác chỉ đạo điều hành, trách nhiệm công vụ của các đơn vị, địa phương, đội ngũ công chức, viên chức trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, đẩy mạnh chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 29/12/2022 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và kỷ luật kỷ cương hành chính, trong 6 tháng đầu năm 2023, Đoàn kiểm tra cải cách hành chính, công vụ của tỉnh đã kiểm tra hành chính tại 17 UBND cấp xã thuộc 7 huyện, thành phố; 03 UBND cấp huyện¹. Hội đồng nhân tỉnh tổ chức giám sát kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính từ năm 2020 - 2022 đối với UBND tỉnh, 05 Sở, ban ngành², 03 UBND huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Các đơn vị, địa phương tự kiểm tra 129 các phòng ban chuyên môn, UBND cấp xã trực thuộc. Đồng thời,

¹ Gồm: xã An Viễn, Giang Điền, Đồi 61 - huyện Trảng Bom; xã Long An, xã Long Đức, xã Tam An - huyện Long Thành; phường Long Bình Tân - thành phố Biên Hòa; xã Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú - huyện Vĩnh Cửu; xã Nhân Nghĩa, Xuân Đường - huyện Cẩm Mỹ; phường Xuân Trung, xã Bàu Trâm, phường Xuân Bình - thành phố Long Khánh; xã Long Thọ, xã Phước An - huyện Nhơn Trạch

² Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh; UBND thành phố Biên Hòa, Long Khánh, huyện Xuân Lộc

trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã tổ chức thanh tra, kiểm tra chuyên ngành nội vụ tại 03 đơn vị, ban hành 01 kết luận thanh tra chuyên ngành nội vụ.

Thực hiện Công điện số 90/CĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản số 1058/BNV-CCHC ngày 10/3/2023 của Bộ Nội vụ, tỉnh đã thành lập đoàn kiểm tra³ việc thực hiện quy định liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú tại UBND huyện Vĩnh Cửu, thành phố Long Khánh; qua đó chấn chỉnh trách nhiệm công vụ trong thực hiện quy định về bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú trong giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời, ghi nhận giải quyết một số khó khăn vướng mắc của đơn vị trong triển khai thực hiện Đề án 06.

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh Đồng Nai đã ban hành và triển khai Kế hoạch thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính, đăng khoảng 300 tin bài trên Trang thông tin điện tử về cải cách hành chính của tỉnh, Cổng Hành chính công trên Zalo, Trang thông tin điện tử của đơn vị; nội dung tuyên truyền về các kế hoạch, chương trình nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 từ Trung ương đến địa phương, thông tin kịp thời đến người dân, doanh nghiệp các quy định mới trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp, ứng dụng cơ sở dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC...

Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính của các cấp, các ngành trong 6 tháng đầu năm 2023 tiếp tục được quan tâm sâu sát, người đứng đầu các đơn vị, địa phương chủ động, trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện đạt tiến độ các nhiệm vụ theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế hành chính

Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023. Công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được triển khai thực hiện nghiêm túc, nhằm phát hiện các quy định pháp luật còn chồng chéo, không còn phù hợp nhằm kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

a) Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật

³ Gồm: Sở Nội vụ, Công an tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông

Trong 6 tháng đầu năm 2023, HĐND tỉnh ban hành 03 Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành 37 văn bản QPPL, 47 văn bản quy phạm pháp luật đang thẩm định. Công tác xây dựng văn bản được thực hiện đảm bảo trình tự, thủ tục ban hành văn bản. Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đảm bảo tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương; khi ban hành được đăng Công báo theo đúng thời gian quy định và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật Đồng Nai, để các cơ quan, tổ chức và người dân thuận tiện trong việc tìm kiếm khi có nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

Để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 19/01/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023. Đồng thời, nhằm triển khai có hiệu quả Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 28/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật theo các lĩnh vực trọng tâm công tác theo dõi thi hành pháp luật đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo. Thực hiện Quyết định số 430/QĐ-BTP ngày 22/3/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp, UBND tỉnh Đồng Nai đã có Báo cáo số 111/BC-UBND ngày 08/5/2023 tổng kết 05 năm thực hiện “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn 2018 - 2022.

c) Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên theo quy định của Chính phủ; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 20/02/2023 về thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kỳ 2019 - 2023 và Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 13/3/2023 thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực xây dựng, y tế do HĐND, UBND tỉnh ban hành.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành ban hành Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 công bố Danh mục 56 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ, 12 văn bản ngưng hiệu lực, hết hiệu lực một phần của HĐND, UBND tỉnh Đồng Nai năm 2022; 37 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành, 17 văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành được kiểm tra. Qua kiểm tra ghi nhận và xử lý 01 văn bản do UBND cấp huyện ban hành có sai sót về nội dung, kỹ thuật trình bày.

Đối với việc thực hiện Kết luận số 4444/KL-ĐCTLN ngày 10/11/2022 của Đoàn Công tác liên ngành - Bộ Tư pháp. Đến nay, đã có 07/8 Quyết định theo kết luận kiểm tra đã được xử lý. Trường hợp Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 ban hành Quy định về tiêu chuẩn và trình tự thủ tục giải quyết tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đang thực hiện lấy ý kiến do liên quan đến quyền lợi của người dân khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Cảng Hàng không quốc tế Long Thành.

Thực hiện Kết luận kiểm tra số 16/KL-KTrVB ngày 24/3/2023 của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 về bãi bỏ một phần Quy định quản lý, bảo tồn và sử dụng bền vững vùng đất ngập nước nội địa và các đảo trên hồ Trị An.

d) Kết quả thực hiện tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật

Trong 6 tháng đầu năm/2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 12/01/2023 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 14/02/2023 về phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng để triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong năm 2023.

Tỉnh Đồng Nai đã kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh với 282 người; tổ chức Hội nghị tập huấn báo cáo viên pháp luật quý I, II/2023 với hơn gần 450 người tham dự chuyên đề về cải cách hành chính và chuyển đổi số; tổ chức Hội nghị trực tuyến tập huấn kỹ năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp huyện và tuyên truyền viên pháp luật cấp xã với 2.209 người; tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật cho đồng bào dân tộc Chơ ro tại xã Phước Bình, huyện Long Thành với hơn 500 lượt người tham dự.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Công bố, công khai thủ tục hành chính

Thực hiện công tác chuẩn hóa thủ tục hành chính của ngành, lĩnh vực tại địa phương sau khi Bộ ngành Trung ương công bố Bộ thủ tục hành chính, trong 6 tháng đầu năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 16 quyết định công bố Bộ TTHC; theo đó, đã ban hành mới 23 TTHC (cấp tỉnh 18, cấp huyện 01, cấp xã 04), sửa đổi, bổ sung 96 TTHC (cấp tỉnh 49, cấp huyện 29, cấp xã 18), bãi bỏ 59 TTHC (cấp tỉnh 32, huyện 24, cấp xã 03). Tổng số TTHC sau khi chuẩn hóa là 1.825 thủ tục (cấp tỉnh 1.466, cấp huyện 246, cấp xã 113). Tổng số thủ tục hành

chính ngành dọc sau khi chuẩn hóa là 123 thủ tục (cấp tỉnh 62, cấp huyện 53, cấp xã 08); ban hành 13 Quyết định ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC các lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn tỉnh. 100% TTHC sau khi được công bố được cập nhật kịp thời lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh; niêm yết tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

b) Đơn giản hoá thủ tục hành chính

Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, trong 6 tháng đầu năm năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 12/01/2023 về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2023 và Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 31/10/2022 về triển khai rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giai đoạn 2022-2025; trong đó yêu cầu tối thiểu 10% tổng số TTHC đề xuất đơn giản hóa làm cơ sở để kiến nghị Chính phủ, Bộ ngành Trung ương thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính; giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm thông tin phải khai báo.

c) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Thực hiện Kế hoạch số 5755/KH-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 468/QĐ-TTg về đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung thực hiện nhiệm vụ:

- Đối với Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã: hoàn thiện quy chế tổ chức hoạt động, phân công trách nhiệm quản lý, theo dõi hoạt động của Bộ phận Một cửa, bố trí quầy tiếp nhận thủ tục ngành dọc (công an, bảo hiểm xã hội, quân sự), kho bạc hoặc điểm thu hộ ngân sách của ngân hàng thương mại tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và 11/11 huyện; bố trí quầy Bưu điện tiếp nhận hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe, lý lịch tư pháp,... tại 11/11 Bộ phận Một cửa cấp huyện. Tại Trung tâm Hành chính công tỉnh bố trí bộ phận hướng dẫn các thủ tục hành chính; bộ phận hỗ trợ, tư vấn các thủ tục liên quan đến đầu tư để nâng cao hơn nữa mức độ hài lòng của người dân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Triển khai tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính trong 6 tháng đầu năm năm 2023, đã tiếp nhận 8,970 hồ sơ phi địa giới hành chính lĩnh vực đất đai, đã giải quyết 8,927 hồ sơ; tỷ lệ đúng hạn đạt 99.99%; tiếp nhận và phát trả 12,900 hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong 6 tháng đầu năm 2023: Các Sở, ban ngành đã giải quyết đúng hạn đạt tỷ lệ 99.42%; trong đó 14/18 đơn vị đạt tỷ lệ giải quyết đúng hạn trên 96%.

Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện giải quyết đúng hạn 96.84%; trong đó 08/11 UBND cấp huyện đạt tỷ lệ giải quyết đúng hạn trên 96%.

Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã giải quyết đúng hạn 90.08%; trong đó 154/170 UBND cấp xã đạt tỷ lệ giải quyết đúng hạn trên 96%.

Nguyên nhân trễ hẹn do khách quan trong giải quyết hồ sơ các lĩnh vực như: đất đai, xây dựng, đầu tư,... hồ sơ có tính chất phức tạp phải trao đổi xin ý kiến, luân chuyển nhiều lần, phải kiểm tra hiện trạng,... Tuy nhiên một số hồ sơ do nguyên nhân chủ quan trong công tác phối hợp giữa các đơn vị, địa phương chưa hiệu quả, chưa thực hiện nghiêm trách nhiệm công vụ của công chức, viên chức trong xử lý hồ sơ thủ tục hành chính.

Tiến độ giải quyết thủ tục hành chính của 20/20 sở ngành, 11/11 UBND cấp huyện, 170/170 UBND cấp xã được công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Đối với hồ sơ trễ hạn, hồ sơ yêu cầu bổ sung hồ sơ, ngừng xử lý hoặc trả hồ sơ đều được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP (thực hiện đầy đủ các mẫu phiếu) và được theo dõi trên Phần mềm Một cửa điện tử.

- *Đánh giá hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính:* Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh Đồng Nai đã nhận 4,256 lượt đánh giá của người dân trên Hệ thống một cửa điện tử (Egov) về kết quả giải quyết thủ tục hành chính của sở, ban, ngành; kết quả tỷ lệ hài lòng đạt 94.26%; trong đó có 15/18 đơn vị đạt tỷ lệ hài lòng 92%.

- Thực hiện Nghị quyết số 121/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 phê duyệt số lượng, định mức hỗ trợ người làm việc tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp, trong đó định suất, định mức hỗ trợ phù hợp với số lượng hồ sơ tiếp nhận của các đơn vị, địa phương.

d) Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính

UBND tỉnh tiếp tục triển khai Kế hoạch số 14452/KH-UBND ngày 26/11/2020 về thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2020 – 2025. Đến 6 tháng đầu năm 2023, tỷ lệ hồ sơ TTHC đã được số hóa trung bình toàn tỉnh đạt 18%, tỷ lệ kết quả TTHC đã số hóa đạt 5%.

g) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh Đồng Nai đã tiếp nhận 565 trường hợp phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (trong đó có 31 phản ánh, kiến nghị kỳ trước chuyển sang); kết quả đã xử lý và công khai 526 phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công quốc gia; đang xử lý 39 trường hợp còn trong hạn quy định.

Tổng đài Dịch vụ công 1022 tiếp nhận 15.099 lượt liên hệ yêu cầu hỗ trợ thông tin, đăng ký dịch vụ bưu chính công ích, gửi phản ánh, kiến nghị và đã xử lý 15.106 lượt, đạt trên 99,95%; trong đó đã xử lý phản ánh giải quyết hồ sơ chậm trễ, trách nhiệm của công chức, đơn vị, địa phương 427/427 lượt đạt 100%. Các phản ánh, kiến nghị sau khi giải quyết được công khai (500 thông tin/tháng) trên Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân trên Cổng thông tin về phản ánh kiến nghị của tỉnh (<http://1022.dongnai.gov.vn>).

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh tiếp tục triển khai nâng cấp Hệ thống Tổng đài Dịch vụ công 1022 trong đó tập trung kết nối và tích hợp dữ liệu Hệ thống phản ánh kiến nghị từ Cổng dịch vụ công Quốc gia về Tổng đài Dịch vụ công 1022 Đồng Nai để nâng cao hiệu quả theo dõi, xử lý các phản ánh kiến nghị của người dân trên địa bàn tỉnh, thuận lợi cho đội ngũ công chức, viên chức các đơn vị, địa phương trong quá trình sử dụng các phần mềm để giải quyết công việc.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII; đến nay, tỉnh Đồng Nai đã thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cơ bản đảm bảo theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, cấp trung gian và giảm số lượng lãnh đạo. Sau sắp xếp, đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, khắc phục dần tình trạng trùng lặp, chồng chéo; việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao ở các đơn vị được đồng bộ, thống nhất hơn và tập trung được các nguồn lực.

- *Đối với cơ quan hành chính*: so với năm 2015, giảm 43 phòng và tương đương thuộc giảm 46 phòng thuộc chi cục thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh; giảm 05 phòng, ban chuyên môn thuộc

UBND cấp huyện. Trong 6 tháng đầu năm 2023, 04 đơn vị cấp Sở⁴ tiếp tục tổ chức thực hiện đề án sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, phù hợp với quy định.

- *Đối với đơn vị sự nghiệp*: so với năm 2015, giảm 102 đơn vị; cụ thể:

+ *Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh*: Đã có 9/9 đơn vị đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề án, giảm 01 đơn vị sự nghiệp (Nhà Thiếu nhi chuyển về Tỉnh Đoàn).

- *Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện*: UBND tỉnh đã phê duyệt các Đề án sắp xếp lại tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp cấp huyện; 11/11 UBND cấp huyện triển khai xong Đề án được phê duyệt với 739 đơn vị sự trực thuộc, giảm 48 đơn vị sự nghiệp so với năm 2015.

- *Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành*: 13/13 sở, ngành có đơn vị sự nghiệp trực thuộc đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Đề án thành lập, kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Đến nay, toàn tỉnh có 120 đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành, giảm 61 đơn vị so với 2015.

b) Hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, căn cứ các văn bản hướng dẫn cụ thể của các Bộ ngành chủ quản, đến nay các Sở, ban ngành, 05/10⁵ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh đã ban hành quy chế mới về tổ chức hoạt động đảm bảo cơ cấu phòng ban, số lượng cấp phó, chức năng nhiệm vụ theo quy định và hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương. Đối với cấp huyện, có 11/11 địa phương⁶ đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn theo quy định. Trên cơ sở đó, các Sở, ngành đang tiếp tục hoàn thiện quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở.

c) Công tác quản lý sử dụng biên chế

Ngày 30/12/2022, UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 3720/QĐ-UBND về phân bổ biên chế công chức trong cơ quan của UBND cấp tỉnh, cấp huyện,

⁴ Các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Khoa học và Công nghệ

⁵ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh, Ban Quản lý dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư tỉnh, Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai, Nhà Xuất Bản.

⁶ 3 huyện Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú đã xây dựng Đề án trình Hội đồng nhân dân cùng cấp, dự kiến thông qua tại kỳ họp giữa năm

biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù và Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị năm 2023; trong đó:

- Về biên chế công chức: Năm 2023, biên chế công chức của tỉnh Đồng Nai là 3.017 chỉ tiêu⁷; như vậy, số biên chế công chức tỉnh đã tinh giản 405 chỉ tiêu (so với 3.422 chỉ tiêu biên chế công chức giao năm 2015) đạt tỷ lệ 11,83%;

- Về số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2023 là 37.609 chỉ tiêu; giảm 9,38% so với năm 2015.

d) Việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ với UBND tỉnh, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; UBND tỉnh ban hành, triển khai Kế hoạch số 8843/KH-UBND ngày 23/9/2016 về thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 và Kế hoạch số 482/KH-UBND triển khai Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020; thực hiện kế hoạch của UBND tỉnh, 21/21 sở ngành, 11/11 UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch thực hiện trong nội bộ đơn vị, địa phương. Việc phân cấp quản lý nhà nước cho chính quyền cấp tỉnh thực hiện trên 05 lĩnh vực theo Nghị quyết số 21/NQ-CP của Chính phủ và 10 ngành lĩnh vực theo Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, UBND tỉnh đã có Văn bản số 9587/UBND-KGVX ngày 14/9/2022 báo cáo Bộ Nội vụ đề xuất thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước trên 06 lĩnh vực: tài nguyên và môi trường, kế hoạch và đầu tư, công thương, khoa học và công nghệ, lao động, xây dựng trong các khu công nghiệp.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức, xây dựng và thực hiện đề án xác định vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, triển khai 03 thông tư của Bộ Nội vụ về hướng dẫn vị trí việc

⁷ Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về phân bổ biên chế công chức trong cơ quan của UBND cấp tỉnh, cấp huyện, biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù và Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị năm 2023.

làm⁸ và thẩm định, hướng dẫn đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo⁹, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương rà soát tham mưu điều chỉnh bảng mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm theo quy định. Đến 6 tháng đầu năm 2023, 20/22 cơ quan hành chính, 58 đơn vị sự nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt đề án vị trí việc làm.

Đồng thời, các đơn vị, địa phương rà soát, hoàn chỉnh tiêu chuẩn để bổ nhiệm ngạch đối với công chức được tuyển dụng trong năm 2022 đảm bảo theo quy định; triển khai rà soát, xây dựng Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc theo theo Thông tư số 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

b) Thực hiện tuyển dụng công chức viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh Đồng Nai đã rà soát nhu cầu tuyển dụng công chức của các cơ quan, thẩm định tiếp nhận vào công chức đối với 12 trường hợp và xây dựng Kế hoạch thi tuyển công chức hành chính năm 2023; cử 09 cán bộ công chức tham gia kỳ thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp năm 2023 do Bộ Nội vụ tổ chức và xây dựng Đề án tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính năm 2023, trình Bộ Nội vụ phê duyệt.

c) Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

Các đơn vị, địa phương đã tổ chức thực hiện Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh quy định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, khắc phục sai phạm trong công tác cán bộ qua kiểm tra, thanh tra.

Thực hiện Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ, Hướng dẫn số 05-HD/TU ngày số 05-HD/TU ngày 12/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị đã triển khai thực hiện đánh giá, xếp loại chất

⁸ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ; Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSN công lập; Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

lượng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định, kết quả: 16.962 cán bộ được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (chiếm tỷ lệ 34.43%), 30.934 cán bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ (chiếm tỷ lệ 62.80%), 1137 cán bộ được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ (chiếm tỷ lệ 2.31%) và 226 cán bộ được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ (chiếm tỷ lệ 0.46%). Công tác cán bộ (bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động) và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ được thực hiện kịp thời, đúng quy định, qua đó, sớm kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

d) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính

Trong 6 tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và tổ chức kiểm tra tại các đơn vị, địa phương, thực hiện giám sát thông qua hệ thống camera nhằm siết chặt kỷ luật kỷ cương hành chính; trong đó, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong nêu gương, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính, giờ giấc làm việc, cấm sử dụng rượu bia trong giờ làm việc và tăng cường công tác kiểm tra, gắn tiêu chí phát hiện, xử lý vi phạm với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ; qua kiểm tra ghi nhận một số trường hợp cán bộ, công chức chưa chấp hành nghiêm giờ giấc, tác phong trong thi hành công vụ; trên cơ sở đó, thủ trưởng các đơn vị, địa phương đã chỉ đạo tổ chức kiểm điểm trách nhiệm, có hình thức xử lý hoặc chấn chỉnh công chức, viên chức thực hiện chưa nghiêm trách nhiệm công vụ.

e) Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh năm 2023; nhằm nâng cao trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong năm 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã cử 18 cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tham gia các khóa bồi dưỡng, 15 cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp huyện và tương đương, 03 cán bộ, công chức đào tạo ngạch chuyên viên cao cấp, 241 viên chức hành chính tham gia các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư công cấp tỉnh (không bao gồm vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu) đến ngày 31/05/2023 là 1.714.603 triệu đồng, đạt 13,23% kế hoạch giao;

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Chính phủ giao: Tổng thu ngân sách nhà nước từ 01/01/2023 đến ngày

08/06/2023 là 23.712.776 triệu đồng, đạt 38% dự toán Chính phủ giao năm 2023;

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tính đến hết quý I/2023 đạt 5.860.804.432.661 đồng, khoảng 87%.

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh Đồng Nai đã ban hành nhiều văn bản triển khai tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh, chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc Hội; tổ chức kiểm tra hiện trạng tài sản thanh lý, bàn giao hiện trạng nhà, đất của một số cơ quan, đơn vị. Trong kỳ, không phát sinh các sai phạm trong thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

Các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 9777/KH-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh về triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập; đến nay, toàn tỉnh có 04 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, 58 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, 52 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh có 13 lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công đã được ban hành danh mục, 07 lĩnh vực đã ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, 04 lĩnh vực đã ban hành đơn giá dịch vụ thuộc các ngành công thương, nông nghiệp, thông tin - truyền thông, giáo dục, y tế, tư pháp, khoa học và công nghệ, văn hóa - thể thao, nội vụ.

6. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Hoàn thiện thể chế phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Trong 6 tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch trọng tâm nâng cao hiệu quả triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh: Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai năm 2023; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh về triển khai, thực hiện nhiệm vụ Đề án "phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023.

Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện Quy chế về việc quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai nhằm đảm bảo quản lý, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Nai, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

b) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Đến nay, 100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện đã có kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng với 91 điểm kết nối; 170/170 UBND các xã, phường thị trấn được kết nối Internet phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin; tiếp tục vận hành hệ thống camera tập trung từ cấp xã, huyện lên tỉnh để kiểm tra, giám sát Bộ phận Một cửa các đơn vị, địa phương, quản trị hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện đảm bảo vận hành thông suốt, khắc phục các nguy cơ mất an toàn thông tin.

Đồng thời, thường xuyên kiểm tra, đảm bảo cấp độ an toàn hệ thống thông tin của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và các cơ quan, đơn vị; rà soát việc nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh nhằm đảm bảo an toàn thông tin, phục vụ kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

- Vận hành Trục liên thông tỉnh Đồng Nai phục vụ kết nối, ứng dụng dùng chung của tỉnh: Phần mềm Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công các Bộ ngành; phần mềm quản lý văn bản của các đơn vị, địa phương; khai thác CSDL chuyên ngành của các đơn vị trên địa bàn tỉnh; phục vụ xử lý thủ tục hành chính, gửi nhận văn bản điện tử, và báo cáo số liệu kinh tế xã hội theo quy định của Văn phòng Chính phủ;

- Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được đưa vào sử dụng, đảm bảo đầy đủ các chức năng, tính năng kỹ thuật; đồng thời đã thực hiện kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm Thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Ngày 20/02/2023, tỉnh Đồng Nai đã chính thức đưa vào vận hành ứng dụng Đồng Nai - Chuyển đổi số, kết nối thông tin của 12 đơn vị thuộc tỉnh và 06 cơ quan Trung ương, cung cấp thông tin, các tiện ích hỗ trợ, kết nối giữa người dân với cơ quan quản lý nhà nước, tích hợp các tính năng như: dịch vụ công, dẫn đầu các doanh nghiệp, thuế, giới thiệu sản phẩm, hải quan, bảo hiểm,... cập nhật đầy đủ các thông tin hữu ích và cần thiết cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh về triển khai Đề án "phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023; trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã cơ bản hoàn thiện việc phân quyền tra cứu, khai thác

thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư trên Hệ thống thông tin giải quyết của tỉnh cho công chức giải quyết thủ tục hành chính thuộc 16/17 sở, ngành, 10/11 huyện, thành phố.

d) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

- Hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông 100% cơ quan hành chính 03 cấp tỉnh - huyện - xã, tỷ lệ văn bản gửi nhận hoàn toàn điện tử theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ qua Trục liên thông đạt **99,68%** (trừ các văn bản mật); 100% cán bộ, công chức các đơn vị, địa phương (gồm lãnh đạo, quản lý) sử dụng phần mềm quản lý văn bản, điều hành, theo dõi tiến độ, xác định cụ thể trách nhiệm từng cá nhân xử lý công việc; 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử; phối hợp với Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin thực hiện cấp phát 356 bộ chứng thư số (281 bộ chứng thư số cá nhân, 24 SIM PKI, 51 bộ chứng thư số tổ chức) đạt tỷ lệ 100% số lãnh đạo quản lý.

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỉnh Đồng Nai tiếp tục hoàn thiện phần mềm Một cửa điện tử (Egov), Cổng dịch vụ công của tỉnh đáp ứng quy định, cấu hình các quy trình nội bộ điện tử của các thủ tục hành chính mới được ban hành; rà soát, đảm bảo việc kết nối tích hợp, kết quả đồng bộ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; hoàn thiện cấu hình Cổng thanh toán trực tuyến cho các huyện, thành phố.

e) Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

Tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành việc triển khai thí điểm 02 Trung tâm giám sát điều hành thông minh thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh theo các tiêu chí hướng dẫn của Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông; trên cơ sở đánh giá kết quả thí điểm tại 02 địa phương, UBND tỉnh đã ban hành Đề án phát triển Đô thị thông minh tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 10/5/2022) làm cơ sở để tiếp tục triển khai mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

g) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Cổng dịch vụ công của tỉnh đã cung cấp 1.403 DVCTT (gồm: 332 DVCTT một phần và 1.071 DVCTT toàn trình). Thực hiện tích hợp DVCTT trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia: 1.149 DVCTT (gồm: 313 DVC một phần và 836 DVC toàn trình); tích hợp Cổng thanh toán trực tuyến đối với 276 thủ tục trực tuyến cấp sở có phát sinh phí, lệ phí;

Các Sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh; trong 6 tháng đầu năm 2023, số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ là 390 (đạt tỷ lệ 27,8%); tỷ lệ hồ sơ trực tuyến 03 cấp đạt 56,51%; trong đó 10/17 Sở, ngành đạt trên 90%, 5/11 huyện, thành phố đạt trên 30% hồ sơ trực tuyến.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt làm được

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2023, công tác cải cách hành chính của tỉnh đã cơ bản đạt mục tiêu đề ra:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính được thực hiện kịp thời, các kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh được triển khai cơ bản đầy đủ;

- Công tác kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ được tăng cường thực hiện từ đầu năm, kịp thời chấn chỉnh những sai sót nhằm triển khai hiệu quả công tác cải cách hành chính tại các đơn vị, địa phương;

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện chặt chẽ theo quy định; tổ chức hoạt động Trung tâm Hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp được kiện toàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới;

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện cơ bản, đồng bộ; tập trung hoàn thiện các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý hồ sơ thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

2. Những tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên công tác cải cách hành chính của tỉnh vẫn còn một số tồn tại sau:

- Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính có lúc có nơi còn chưa quyết liệt, còn tình trạng giao khoán cho cấp phó, chuyên viên tham mưu giúp việc, nhất là tại UBND cấp xã; còn tình trạng công chức tại cấp xã chưa chấp hành nghiêm kỷ luật kỷ cương hành chính;

- Còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa một số phòng ban, đơn vị, địa phương trong quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp

3. Khó khăn vướng mắc, kiến nghị

- Một số văn bản pháp luật của Trung ương chưa thống nhất về thẩm quyền cá nhân Chủ tịch UBND tỉnh và UBND tỉnh để áp dụng trong việc xây dựng, ban hành văn bản pháp luật ở địa phương;

- Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về một số nội dung lĩnh vực, địa phương cần phải ban hành quy trình, quy chế xử lý. Theo khoản 3 Điều 28 Luật Ban hành văn bản QPPL quy định thẩm quyền của UBND tỉnh ban hành quyết định để quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương. Tuy nhiên, thực tế tỉnh vẫn phải chờ ý kiến hướng dẫn cụ thể của Bộ, ngành Trung ương đối với thẩm quyền cụ thể được giao cho UBND tỉnh nên gây khó khăn cho địa phương trong công tác quản lý nhà nước.

- Về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và cập nhật thủ tục hành chính lên cơ sở dữ liệu quốc gia: kiến nghị Văn phòng Chính phủ có ý kiến thống nhất với các Bộ, ngành Trung ương khi ban hành bộ TTHC có phân theo danh mục và có mã TTHC cho từng cơ quan có liên quan xử lý (trường hợp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành 01 TTHC có 02 mã, cụ thể: 01 mã TTHC cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, 01 mã TTHC cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh thực hiện), để địa phương công bố cho phù hợp và chuẩn hóa trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tạo điều kiện cấu hình và triển khai dịch vụ công cho các đơn vị thực hiện; đồng thời rà soát, ban hành Quy trình giải quyết đã được thể hiện trong các quy định của Bộ, ngành Trung ương nhưng chưa được Bộ, ngành Trung ương công bố trong Bộ thủ tục hành chính để địa phương kịp thời công bố triển khai thực hiện, tránh trường hợp ban hành các TTHC đặc thù.

- Để đảm bảo tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2023 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ giao, kiến nghị Văn phòng Chính phủ có ý kiến thống nhất với Bộ, ngành Trung ương tái cấu trúc quy trình, chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý, xem xét thống nhất phương án đơn giản hóa TTHC do địa phương đề xuất. Kết nối các cơ sở dữ liệu ngành với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của tỉnh và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh (Egov), để đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC theo quy định.

- Để kịp thời hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kiến nghị Văn phòng Chính phủ hỗ trợ chỉ đạo rà soát, kịp thời phối hợp địa phương trong việc phản hồi thông tin thanh toán trên Cổng dịch vụ công quốc gia để hạn chế tình trạng phản ánh kiến nghị của người dân nêu trên;

- Thực hiện quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định 106/2020/NĐ-CP, hiện nay một số Bộ ngành Trung ương chưa có Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành, lãnh đạo quản lý, ... dẫn đến khó khăn cho các địa phương trong công tác hướng dẫn và xây dựng lại đề án vị trí việc làm. Do đó, kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương khẩn trương ban hành quy định về vị trí việc làm chuyên ngành, cơ cấu công chức và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được giao quản lý từ trung ương đến địa phương; định mức biên chế công chức, viên chức và số lượng hợp đồng lao động trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý để địa phương làm căn cứ thực hiện.

- Thực hiện Quyết định số 73-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2026; Kế hoạch số 206-KH/TU ngày 28/11/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026, từ năm 2023 các đơn vị tiếp tục thực hiện tinh giản 5% biên chế công chức, 10% biên chế viên chức gây sức ép rất lớn trong việc cân đối và sử dụng biên chế; đặc biệt là trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức, các đơn vị vừa phải đảm bảo lộ trình tinh giản biên chế vừa phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Do đó, kiến nghị Bộ Nội vụ và các cơ quan Trung ương xem xét, hướng dẫn việc thực hiện giảm biên chế theo tỷ lệ quy định đối với các đơn vị sự nghiệp được giao định mức như: giáo dục - đào tạo, y tế, lao động - thương binh và xã hội, do việc thực hiện tinh giản biên chế các đơn vị trên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng giảng dạy, chất lượng phục vụ y tế, tình hình trật tự, an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, Trung ương sớm ban hành quy định về tiêu chí cụ thể để phân bổ biên chế làm cơ sở cho địa phương triển khai thực hiện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Trong 6 tháng cuối năm 2023, UBND tỉnh Đồng Nai tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch cải cách hành chính năm, cụ thể:

1. Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính theo Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 02/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Thực hiện đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định; thường xuyên thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thực hiện việc thi hành, đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật đến đối tượng tác động, hiệu quả quản lý nhà nước để kịp thời đề xuất xử lý, nhằm hoàn thiện thể chế góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Hoàn thiện các quy định về tổ chức bộ máy theo quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, xây dựng đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh;

4. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, công bố, công khai minh bạch thủ tục hành chính, tích cực rà soát, kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến cung cấp tới người dân, doanh nghiệp.

5. Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 5755/KH-UBND ngày 27/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; trong đó:

- Rà soát, hoàn thiện các quy định, cơ sở vật chất thực hiện công tác số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, đẩy mạnh việc thực hiện thu phí, lệ phí tập trung, thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, số hóa hồ sơ thủ tục hành chính tại 03 cấp.

- Quản lý chặt chẽ việc thực hiện các quy định về hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các đơn vị, địa phương, đơn đốc xử lý hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp, đảm bảo tỷ lệ giải quyết đúng hạn trên 96%, thực hiện nghiêm quy định về thư xin lỗi đối với hồ sơ trễ hẹn, hồ sơ dừng, trả; khắc phục tình trạng để người dân đi lại, bổ sung hồ sơ, phản ánh kiến nghị nhiều lần, tiếp tục cải thiện mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường trách nhiệm của đơn vị, địa phương trong giải quyết phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp qua Tổng đài Dịch vụ công 1022, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh kịp thời tiếp thu ý kiến đóng góp, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp để cải thiện dịch vụ hành chính công.

6. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, cụ thể:

- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống Một cửa điện tử (Egov), Cổng dịch vụ công của tỉnh; đồng bộ dữ liệu và tích hợp các dịch vụ công trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác số hóa, lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, triển khai tại Trung tâm Hành chính công

tỉnh, Bộ phận Một cửa các cấp; khẩn trương thực hiện số hóa hồ sơ đảm bảo tỷ lệ hồ sơ được số hóa theo kế hoạch năm 2023;

- Triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân, đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến nhất là tại cấp huyện, cấp xã.

7. Tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, đối thoại giữa lãnh đạo Sở, ngành, UBND cấp huyện và người dân, doanh nghiệp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, thông tin kịp thời các quy định trong giải quyết thủ tục hành chính, nhất là việc giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

8. Tổ chức khảo sát ý kiến người dân về chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tại các đơn vị, địa phương nhằm đánh giá khách quan hiệu quả cải cách hành chính, nhất là công tác giải quyết thủ tục hành chính để kịp thời đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ hành chính công.

9. Triển khai kế hoạch tập huấn nghiệp vụ cải cách hành chính, xây dựng kế hoạch xác định chỉ số cải cách hành chính các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện năm 2023 nhằm định hướng và đánh giá khách quan kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh.

10. Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, cải cách hành chính, thanh tra chuyên ngành nội vụ tại các Sở, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã; chú trọng thanh tra, kiểm tra trong nội bộ cơ quan, đơn vị để kịp thời đôn đốc, nhắc nhở các bộ phận, công chức, viên chức thực hiện kịp thời các nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng

Phụ lục

Thống kê số liệu báo cáo cải cách hành chính của tỉnh Đồng Nai

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	60	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	50	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	32	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	16	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	Các Sở ngành, thực hiện tự kiểm tra
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	10	17 UBND cấp xã thuộc 07 huyện và 03 UBND cấp huyện
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	25	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	25	
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	3	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	30	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	46	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	25	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	2	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	14	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	4,256	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
II.	Cải cách thể chế			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	57	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	40	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	17	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	14	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	1	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	1	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	37	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
III.	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	23	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	59	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	1,948	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1,948	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1,528	62 TTHC ngành dọc
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	299	53 TTHC ngành dọc
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	121	08 TTHC ngành dọc
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	53	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	31	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	9	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.42	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	58,490	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	58,151	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96.84	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	139,049	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	134,656	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99.08	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	377,327	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	373,857	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	99.71	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	15,671	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	15,625	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
IV.	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	5	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	220	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	869	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	10	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	120	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	739	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	11.34	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3,017	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3,017	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	250	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	24	
2.5.	Tỷ lệ phân trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11.84	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	37,609	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	37,609	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	9.38	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
V.	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	20	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	58	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	12	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyên thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	5	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	384	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		45	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	1	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	2	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	2	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	40	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
VI.	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	20.72	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	12,958,205	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	2,685,235	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	869	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	4	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	58	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	52	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	766	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
VII.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	99.68	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99.65	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023	
			Số liệu	Ghi chú
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	1,071	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	1,071	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	77.38	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	504	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	390	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	40.17	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	219,760	
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	88,281	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	63.52	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	50,454	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	32,049	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	51.98	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	531	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	276	